

Số: /KH-SNN&MT

Phú Thọ, ngày tháng 11 năm 2025

KẾ HOẠCH

**Thực hiện Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ và
Chương trình hành động số 02-CTr/TU ngày 22/7/2025 của Ban Thường vụ
Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính
trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo
và chuyển đổi số quốc gia**

Thực hiện Kế hoạch số 7316/KH-UBND ngày 22/10/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Thọ về việc thực hiện Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ và Chương trình hành động số 02-CTr/TU ngày 22/7/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia của tỉnh Phú Thọ (sau hợp nhất).

Sở Nông nghiệp và Môi trường ban hành Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ và Chương trình hành động số 02-CTr/TU ngày 22/7/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia của Sở Nông nghiệp và Môi trường. Cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Cụ thể hóa các mục tiêu, nhiệm vụ của Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị, Nghị quyết số 71/NQ-CP của Chính phủ, Chương trình hành động số 02-CTr/TU của Tỉnh ủy, Kế hoạch số 7316/KH-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh cho ngành nông nghiệp và môi trường bảo đảm tính khả thi, có hiệu quả.

- Xác định rõ các nhiệm vụ trọng tâm mang tính đột phá trong phát triển khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số ngành nông nghiệp và môi trường, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội nhanh và bền vững của tỉnh.

- Phát triển hệ sinh thái khoa học - công nghệ ngành nông nghiệp và môi trường; thúc đẩy nông nghiệp thông minh, kinh tế số nông nghiệp, quản lý tài nguyên - môi trường dựa trên cơ sở dữ liệu.

- Giao nhiệm vụ cụ thể cho từng phòng, đơn vị phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, tăng cường công tác tổ chức thực hiện, kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả, bảo đảm hoàn thành toàn diện, đúng tiến độ, chất lượng và hiệu quả các mục tiêu đề ra.

2. Yêu cầu:

- Quán triệt và thực hiện nghiêm túc, đồng bộ trong toàn ngành.
- Lấy đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số làm nền tảng nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước ngành nông nghiệp và môi trường.
- Bảo đảm gắn kết chặt chẽ với nhiệm vụ của các chương trình, đề án của tỉnh.
- Phát huy vai trò người đứng đầu các đơn vị; tăng cường tính chủ động và khả năng phối hợp giữa các phòng, đơn vị trong quá trình triển khai thực hiện nhiệm vụ.

II. MỤC TIÊU:

1. Mục tiêu chung

- Tạo đột phá trong ứng dụng khoa học - công nghệ trong toàn ngành nông nghiệp và môi trường.
- Nâng cấp hạ tầng số ngành nông nghiệp và môi trường: hạ tầng dữ liệu, nền tảng số, IoT, cảm biến quan trắc, bản đồ số đất đai - rừng - môi trường.
- Từng bước hoàn thiện quy trình quản lý nhà nước dựa trên dữ liệu số.
- Hình thành hệ sinh thái đổi mới sáng tạo lĩnh vực nông nghiệp và môi trường.

2. Mục tiêu cụ thể:

Gồm có 03 nhóm mục tiêu (Mục tiêu đến hết năm 2025, mục tiêu đến năm 2030 và mục tiêu đến năm 2045), trong đó có các chỉ tiêu cụ thể và phân công trách nhiệm các phòng, đơn vị chủ trì thực hiện, theo dõi, đánh giá.

(Chi tiết tại Phụ lục 1)

III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Nhóm nhiệm vụ, giải pháp chung

1.1. Nâng cao nhận thức, đổi mới tư duy, thể hiện quyết tâm chính trị cao; lãnh đạo, chỉ đạo quyết liệt, tạo xung lực và khí thế mới trong toàn xã hội về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

- Tổ chức học tập, tuyên truyền, quán triệt sâu rộng, thường xuyên các Nghị quyết 57-NQ/TW, 71/NQ-CP, Chương trình hành động 02-CTr/TU và văn bản liên quan đến từng cán bộ, công chức, viên chức, doanh nghiệp, người dân bằng nhiều hình thức.
- Xây dựng Kế hoạch chi tiết cho từng giai đoạn (2025, 2030, 2035, 2040, 2045), xác định rõ mục tiêu, chỉ tiêu, nguồn lực thực hiện; phân công rõ trách nhiệm đơn vị chủ trì và phối hợp trong từng nhiệm vụ.
- Gắn trách nhiệm người đứng đầu với kết quả thực hiện Nghị quyết 57-NQ/TW; lấy kết quả triển khai làm tiêu chí đánh giá, thi đua, khen thưởng hằng năm cho lãnh đạo, cán bộ, công chức, viên chức.

- Đẩy mạnh truyền thông về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường trên trang thông tin điện tử Sở Nông nghiệp và Môi trường, các trang mạng xã hội.

- Phát động phong trào học tập số trên các nền tảng trực tuyến, hình thành phong trào “Bình dân học vụ số”, “Học tập số” thường xuyên, phổ cập, nâng cao kiến thức về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, kỹ năng số, công nghệ số cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong ngành, người dân và doanh nghiệp.

- Cử cán bộ tham gia các chương trình đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và kỹ năng, công nghệ số phục vụ chuyển đổi số.

- Phát động phong trào thi đua trong toàn ngành. Biểu dương, khen thưởng kịp thời các tập thể, cá nhân có thành tích, sáng kiến, giải pháp hiệu quả; tích cực tham gia các cuộc thi, phong trào khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo.

1.2. Khẩn trương, quyết liệt hoàn thiện thể chế; xoá bỏ rào cản, đưa thể chế thành lợi thế cạnh tranh trong phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

- Thành lập, kiện toàn Ban Chỉ đạo phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06 của ngành; phân công rõ nhiệm vụ, xây dựng chương trình công tác hằng năm.

- Tham mưu, đề xuất ban hành chính sách hỗ trợ ứng dụng nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp tuần hoàn.

- Đề xuất cơ chế khuyến khích ứng dụng internet vạn vật (IoT), trí tuệ nhân tạo (AI), đẩy mạnh thương mại điện tử đối với các sản phẩm nông sản, đặc sản, sản phẩm OCOP.

- Tham mưu, đề xuất, xây dựng cơ chế chuyển giao, thử nghiệm công nghệ mới, mô hình kinh doanh mới có kiểm soát rủi ro; hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo, phát triển doanh nghiệp công nghệ số.

1.3. Tăng cường đầu tư, hoàn thiện hạ tầng cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số lĩnh vực nông nghiệp và môi trường

- Xây dựng, cập nhật quy hoạch, kế hoạch phục vụ phát triển khoa học, công nghệ, nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác và sử dụng bền vững tài nguyên khoáng sản.

- Phát triển đồng bộ hạ tầng số ngành nông nghiệp và môi trường; lồng ghép yêu cầu xây dựng hạ tầng dữ liệu, hạ tầng thông tin vào các quy hoạch chuyên ngành của Sở. Ưu tiên đầu tư các khu vực trọng điểm, phát triển nền tảng dùng chung, chia sẻ dữ liệu; tăng cường kết nối, đồng bộ dữ liệu với Trung tâm dữ liệu tỉnh và các hệ thống quốc gia; ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong quản lý đất đai, tài nguyên nước, cảnh báo thiên tai, giám sát môi trường và điều hành sản xuất nông nghiệp.

- Xây dựng và triển khai các chương trình, đề án trọng điểm về khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường; ưu tiên nguồn lực cho nghiên cứu, chuyển giao và ứng dụng công nghệ mới, công nghệ sinh học, công nghệ IoT, viễn thám, GIS, tự động hóa trong sản xuất nông nghiệp và quản trắc môi trường.

- Từng bước xây dựng các mô hình nghiên cứu, thử nghiệm, ứng dụng công nghệ cao trong nông nghiệp, môi trường; Tham gia khai thác, sử dụng Trung tâm dữ liệu tỉnh, Trung tâm điều hành thông minh (IOC) và các nền tảng đổi mới sáng tạo, vườn ươm khởi nghiệp công nghệ để phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành của ngành.

- Khuyến khích tổ chức khoa học - công nghệ, doanh nghiệp trong nước và doanh nghiệp FDI đầu tư phát triển tiềm lực khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong lĩnh vực nông nghiệp, tài nguyên và môi trường; tăng cường hợp tác công tư trong phát triển hạ tầng công nghệ thông tin, hạ tầng quan trắc và giám sát tài nguyên.

- Nâng cao chất lượng hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu ngành nông nghiệp và môi trường theo hướng số hóa, cập nhật thường xuyên, liên thông với cơ sở dữ liệu quốc gia và hệ thống dữ liệu của các bộ, ngành.

- Đẩy mạnh triển khai chính quyền số ngành nông nghiệp và môi trường; từng bước hoàn thiện hệ thống dịch vụ công trực tuyến, số hóa hồ sơ, thủ tục hành chính. Sử dụng hiệu quả chữ ký số, phần mềm quản lý chuyên ngành, nền tảng quản lý văn bản điều hành của Sở.

1.4. Phát triển, trọng dụng nhân lực chất lượng cao, nhân tài đáp ứng yêu cầu phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

- Chú trọng phát triển, bồi dưỡng và trọng dụng đội ngũ nhân lực chất lượng cao phục vụ yêu cầu phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong toàn ngành.

- Xây dựng cơ chế thu hút và trọng dụng nhân lực có trình độ cao trong lĩnh vực nông nghiệp, tài nguyên và môi trường; tăng cường hợp tác với các trường đại học, học viện, viện nghiên cứu để đào tạo, bồi dưỡng, chuyển giao kiến thức mới.

- Đẩy mạnh đào tạo kỹ năng số, kỹ năng sử dụng nền tảng số, phân tích dữ liệu cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức trong toàn ngành; tổ chức các lớp tập huấn định kỳ về công nghệ mới, chuyển đổi số, quản lý dữ liệu, an toàn thông tin; lồng ghép nội dung chuyển đổi số trong đào tạo, bồi dưỡng cán bộ hằng năm.

- Tăng cường tuyên truyền và phát triển kỹ năng về công nghệ số, khoa học dữ liệu; Khuyến khích cán bộ, công chức, viên chức tham gia nghiên cứu khoa học, cải tiến kỹ thuật, ứng dụng công nghệ vào quản lý, sản xuất nông nghiệp và bảo vệ môi trường.

1.5. Tập trung nghiên cứu, ứng dụng và phát triển khoa học công nghệ trọng điểm; Đẩy mạnh chuyển đổi số, ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo trong hoạt động của hệ thống chính trị; nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước, bảo đảm quốc phòng, an ninh

- Tập trung đẩy mạnh nghiên cứu, ứng dụng và phát triển các công nghệ trọng điểm trong nông nghiệp, tài nguyên và môi trường; thúc đẩy chuyển đổi số toàn diện trong công tác quản lý nhà nước, chỉ đạo điều hành và phục vụ người dân, doanh nghiệp. Ưu tiên ứng dụng công nghệ cao, trí tuệ nhân tạo (AI), dữ liệu lớn (Big Data), Internet vạn vật (IoT), viễn thám, GIS và các nền tảng số trong quản lý đất đai, tài nguyên nước, khoáng sản, môi trường, lâm nghiệp, chăn nuôi, trồng trọt, thủy sản, quản lý chất lượng, thủy lợi, phòng chống thiên tai...

- Triển khai mạnh mẽ chuyển đổi số trong quản lý ngành; phân đấu đến năm 2030, 100% hoạt động chỉ đạo, điều hành, trao đổi văn bản, xử lý hồ sơ công việc của Sở và các đơn vị trực thuộc được thực hiện trên môi trường số.

- Từng bước khai thác hiệu quả Trung tâm điều hành thông minh của tỉnh, hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia và dữ liệu chuyên ngành trong công tác quản lý tài nguyên, môi trường và nông nghiệp; kết nối, chia sẻ dữ liệu đồng bộ giữa các phòng, chi cục, trung tâm và các cơ quan liên quan. Nâng cao chất lượng dịch vụ công trực tuyến, đơn giản hóa thủ tục hành chính, đẩy mạnh số hóa hồ sơ, tự động hóa quy trình xử lý công việc; gắn trách nhiệm người đứng đầu các đơn vị trong triển khai chuyển đổi số.

- Triển khai giải pháp hỗ trợ người dân, hợp tác xã và doanh nghiệp sử dụng các nền tảng số phục vụ sản xuất, kinh doanh, truy xuất nguồn gốc, giám sát môi trường và thực hiện thủ tục hành chính. Xây dựng văn hóa số trong ngành, bảo đảm an toàn thông tin và bảo vệ dữ liệu cá nhân.

- Đẩy mạnh thực hiện các nhiệm vụ chuyển đổi số gắn với Đề án 06 trong phạm vi lĩnh vực của ngành; triển khai định danh địa điểm sản xuất nông nghiệp, số hóa thông tin vùng trồng, cơ sở chăn nuôi, thủy sản; hỗ trợ nông dân, hợp tác xã tham gia thương mại điện tử, tiêu thụ nông sản qua nền tảng số.

1.6. Tăng cường công tác giám sát, kiểm tra, đánh giá việc thực hiện các nhiệm vụ

Tăng cường công tác giám sát, kiểm tra và đánh giá việc triển khai các nhiệm vụ về khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong toàn ngành. Thiết lập cơ chế theo dõi thường xuyên, định kỳ rà soát tiến độ và kết quả thực hiện của các phòng, chi cục, trung tâm trực thuộc theo đúng nhiệm vụ được phân công.

Đánh giá kết quả thực hiện làm căn cứ xem xét mức độ hoàn thành nhiệm vụ của các đơn vị và cá nhân, phục vụ công tác thi đua - khen thưởng; đồng thời xử lý nghiêm các trường hợp chậm tiến độ, thực hiện không đầy đủ nhiệm vụ hoặc vi phạm quy định trong quá trình triển khai.

2. Nhóm nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm

2.1. Lĩnh vực trồng trọt

- Từng bước xây dựng bản đồ số vùng trồng tập trung; quản lý bằng hệ thống cơ sở dữ liệu liên thông từ tỉnh đến xã.
- Triển khai hệ thống cấp và quản lý mã số vùng trồng; áp dụng truy xuất nguồn gốc điện tử.
- Ứng dụng cảm biến, tự động hóa trong sản xuất, thử nghiệm lắp đặt hệ thống cảm biến theo dõi độ ẩm đất, dinh dưỡng, sâu bệnh; tự động cảnh báo qua nền tảng số.
- Hỗ trợ các tổ chức, cá nhân áp dụng quy trình canh tác thông minh.
- Đổi mới công nghệ giống cây trồng, ứng dụng công nghệ sinh học, công nghệ mới trong sản xuất giống cây trồng.
- Số hóa dữ liệu giống cây trồng trên địa bàn tỉnh.

2.2. Lĩnh vực chăn nuôi và thú y

- Phát triển hệ thống chăn nuôi thông minh; ứng dụng công nghệ IoT giám sát nhiệt độ, chất lượng môi trường chuồng nuôi; tự động cảnh báo dịch bệnh.
- Xây dựng mô hình chăn nuôi tuần hoàn, giảm phát thải khí nhà kính.
- Áp dụng mã nhận diện điện tử cho cơ sở chăn nuôi.
- Phát triển hệ thống dữ liệu dịch tễ chăn nuôi.
- Ứng dụng công nghệ xét nghiệm nhanh, công nghệ sinh học trong giám sát dịch bệnh.
- Số hóa toàn bộ hồ sơ kiểm dịch, kiểm tra vệ sinh thú y.
- Từng bước ứng dụng, triển khai hệ thống giám sát dịch bệnh thời gian thực.

2.3. Lĩnh vực thủy sản

- Giám sát môi trường nuôi bằng công nghệ số, triển khai hệ thống quan trắc tại các vùng nuôi tập trung: pH, DO, nhiệt độ, độ mặn...
- Áp dụng mã định danh cơ sở ương, nuôi; số hóa nhật ký theo dõi; xây dựng cơ sở dữ liệu sản lượng.
- Phát triển mô hình thủy sản công nghệ cao.

2.4. Lĩnh vực lâm nghiệp

- Quản lý rừng bằng công nghệ viễn thám và hệ thống dữ liệu số: Sử dụng hình ảnh vệ tinh, máy bay không người lái để giám sát diễn biến rừng; số hóa toàn bộ bản đồ rừng, hồ sơ quản lý rừng.
- Ứng dụng, phát triển hệ thống cảnh báo cháy rừng: Ứng dụng AI dự báo nguy cơ cháy rừng theo thời gian thực; lắp đặt camera giám sát tại các khu vực trọng điểm.

2.5. Lĩnh vực thủy lợi và phòng chống thiên tai, tài nguyên nước

- Xây dựng cơ sở dữ liệu công trình thủy lợi; số hóa bản đồ hồ chứa.
- Lắp đặt thiết bị đo mưa, mực nước tự động.
- Ứng dụng, phát triển hệ thống cảnh báo lũ, cảnh báo sạt lở, hạn hán theo dữ liệu thời gian thực.
- Ứng dụng AI phân tích, cảnh báo nguy cơ.
- Số hóa giấy phép tài nguyên nước; dữ liệu giếng khai thác; dữ liệu quan trắc lưu lượng.
- Quản lý khai thác nước bằng công nghệ, lắp đặt thiết bị đo lưu lượng điện tử; giám sát trực tuyến các công trình khai thác.

2.6. Lĩnh vực quản lý đất đai

- Số hóa toàn bộ hồ sơ địa chính; chuẩn hóa dữ liệu đất đai cấp tỉnh, huyện, xã.
- Vận hành hệ thống cơ sở dữ liệu đất đai dùng chung.
- Ứng dụng máy bay không người lái, công nghệ ảnh vệ tinh trong đo đạc, kiểm kê đất đai.
- Cải cách thủ tục hành chính trong lĩnh vực đất đai, 100% hồ sơ cấp giấy chứng nhận, chuyển quyền sử dụng đất giải quyết trên môi trường số.

2.7. Lĩnh vực môi trường

- Quan trắc môi trường tự động: Duy trì hoạt động của các trạm quan trắc đã đầu tư, đồng thời nghiên cứu đầu tư bổ sung các trạm quan trắc môi trường không khí tự động tại khu vực đô thị.
- Xây dựng, vận hành cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh.
- Số hóa Báo cáo đánh giá tác động môi trường, Báo cáo đánh giá tác động môi trường sơ bộ, Giấy phép môi trường, Đăng ký môi trường...
- Đặt hàng nghiên cứu, ứng dụng chuyển giao công nghệ xử lý chất thải rắn.

2.8. Lĩnh vực khoáng sản

- Số hóa dữ liệu khoáng sản: Cập nhật toàn bộ giấy phép, trữ lượng, ranh giới mỏ vào cơ sở dữ liệu khoáng sản tỉnh.
- Giám sát khai thác bằng công nghệ: Thử nghiệm các mô hình giám sát bằng công nghệ mới có kiểm soát.
- Tăng cường kiểm tra bằng công nghệ số: Sử dụng bản đồ số, dữ liệu GPS trong thanh tra, kiểm tra khoáng sản.

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Bố trí từ nguồn ngân sách địa phương, nguồn vốn phân bổ từ Trung ương và huy động các nguồn kinh phí hợp pháp khác để triển khai thực hiện các

nhiệm vụ, hoạt động, chương trình, đề án, dự án về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

2. Khuyến khích các cơ quan, đơn vị, địa phương huy động các nguồn kinh phí hợp pháp ngoài ngân sách theo quy định của pháp luật để triển khai thực hiện các nhiệm vụ của Kế hoạch.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Ban Chỉ đạo về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06 ngành nông nghiệp và môi trường tỉnh Phú Thọ (Theo Quyết định số 967/QĐ-SNNMT ngày 28/7/2025 của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường)

- Chỉ đạo tổ chức triển khai toàn diện, đồng bộ các nhiệm vụ của ngành theo Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ, Chương trình hành động số 02-CTr/TU ngày 22/7/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy và Kế hoạch của UBND tỉnh về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

- Xác định rõ các nhiệm vụ trọng tâm của ngành nông nghiệp và môi trường; phân công trách nhiệm cụ thể cho các phòng, đơn vị trực thuộc; phối hợp chặt chẽ với các sở, ngành, địa phương trong triển khai các nội dung liên quan đến nông nghiệp công nghệ cao, quản lý tài nguyên - môi trường, giám sát môi trường số, dự báo thiên tai, kinh tế số và chuyển đổi số phục vụ người dân và doanh nghiệp.

- Tăng cường giám sát, đôn đốc việc thực hiện các nhiệm vụ theo kế hoạch; kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc và tham mưu cho lãnh đạo Sở các giải pháp chỉ đạo phù hợp nhằm bảo đảm hoàn thành đúng tiến độ các mục tiêu của tỉnh trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường.

- Chỉ đạo tổ chức các cuộc họp, hội nghị, hội thảo, tọa đàm chuyên đề để trao đổi, chia sẻ kinh nghiệm và đề xuất các giải pháp mang tính đột phá trong ứng dụng khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; thúc đẩy sự phối hợp giữa các đơn vị và huy động sự tham gia của các chuyên gia, doanh nghiệp, viện - trường trong và ngoài tỉnh.

2. Các phòng, đơn vị trực thuộc

- Chủ động nghiên cứu các nội dung Kế hoạch số 7316/KH-UBND ngày 22/10/2025 của UBND tỉnh Phú Thọ và Kế hoạch của ngành để triển khai các nội dung liên quan đến khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong lĩnh vực đơn vị phụ trách.

- Chủ động rà soát, cập nhật dữ liệu chuyên ngành; phối hợp triển khai cơ sở dữ liệu dùng chung của Sở và chia sẻ dữ liệu với Trung tâm dữ liệu tỉnh theo quy định.

- Tăng cường ứng dụng công nghệ mới, công nghệ số, AI, IoT, viễn thám, GIS, tự động hóa trong hoạt động chuyên môn; phát triển các mô hình điểm, mô hình thí điểm phục vụ chuyển đổi số ngành.

- Tổ chức số hóa hồ sơ, hồ sơ địa chính, dữ liệu chuyên ngành; nâng cao chất lượng dịch vụ công trực tuyến và hỗ trợ người dân, doanh nghiệp thực hiện các thủ tục hành chính trên môi trường số.

- Thực hiện đầy đủ chế độ báo cáo định kỳ theo quy định và báo cáo đột xuất theo yêu cầu; chịu trách nhiệm về độ chính xác, tiến độ và chất lượng dữ liệu báo cáo.

- Trong quá trình triển khai thực hiện, kịp thời phản ánh khó khăn, vướng mắc (nếu có) hoặc đề xuất, báo cáo lãnh đạo Sở xem xét, quyết định.

2. Phòng Tổ chức cán bộ

- Chủ trì tham mưu kiện toàn tổ chức bộ máy, bố trí nhân lực phù hợp yêu cầu phát triển khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số của ngành.

- Tham mưu xây dựng và triển khai các chương trình đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực cho cán bộ, công chức, viên chức về công nghệ số, dữ liệu số, trí tuệ nhân tạo, viễn thám - GIS, công nghệ sinh học, kỹ năng an toàn thông tin và các lĩnh vực liên quan.

- Lồng ghép nội dung chuyển đổi số trong kế hoạch đào tạo hằng năm; đề xuất cơ chế thu hút nhân lực chất lượng cao phục vụ nông nghiệp công nghệ cao, quản lý tài nguyên và môi trường số.

- Phối hợp các đơn vị chuyên môn đánh giá năng lực cán bộ, đề xuất hình thức bố trí, bổ sung hoặc thay thế nhân sự phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ mới.

3. Văn phòng Sở

- Tổ chức tuyên truyền, phổ biến nội dung Kế hoạch và các văn bản liên quan đến khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số tới các đơn vị trực thuộc và cán bộ trong toàn ngành trên Trang thông tin điện tử của ngành và các kênh truyền thông khác.

- Tham mưu ứng dụng nền tảng số trong chỉ đạo - điều hành của Sở; duy trì vận hành hệ thống quản lý văn bản điện tử, chữ ký số, phần mềm quản lý công việc, cổng dịch vụ công và các phần mềm chuyên ngành.

- Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan đề xuất phương án đầu tư, nâng cấp hạ tầng công nghệ thông tin phục vụ quản lý ngành.

4. Phòng Kế hoạch Tài chính

- Chủ trì tổng hợp nhu cầu kinh phí của các phòng, chi cục, trung tâm; tham mưu Lãnh đạo Sở bố trí, phân bổ và hướng dẫn sử dụng kinh phí cho các nhiệm vụ khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số theo kế hoạch.

- Tham mưu đề xuất cơ chế huy động nguồn lực xã hội hóa, hợp tác công - tư (PPP), lồng ghép các chương trình, dự án để triển khai nhiệm vụ.
- Định kỳ tổng hợp báo cáo tình hình thực hiện hoặc báo cáo đột xuất các nội dung liên quan đến phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số của ngành.

(Chi tiết tại Phụ lục 2)

Trên đây là Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ và Chương trình hành động số 02-CTr/TU ngày 22/7/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia của Sở Nông nghiệp và Môi trường.

Nơi nhận:

- GĐ, các PGĐ Sở;
- Các phòng, đơn vị trực thuộc Sở;
- Lưu: VT, KHTC.

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Huy Nhuận

PHỤ LỤC I
CÁC CHỈ TIÊU CỤ THỂ VÀ PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ THEO DÕI, ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN
(Ban hành kèm theo Kế hoạch số /KH-SNN&MT ngày tháng năm 2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường)

I. Chỉ tiêu các nhiệm vụ cụ thể:

TT	Chỉ tiêu	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá
I	Đến hết năm 2025	
1	Phần đầu 80% các sản phẩm OCOP (được chứng nhận mới) ứng dụng hệ thống truy xuất nguồn gốc điện tử, có nhật ký theo dõi quy trình sản xuất theo thời gian thực	Chi cục Phát triển nông thôn
2	Triển khai tối thiểu 02 mô hình sản xuất nông nghiệp ứng dụng chuyển đổi số trong sản xuất nông nghiệp	Trung tâm Khuyến nông
II	Đến hết năm 2030	
1	Phần đầu 100% các sản phẩm OCOP (được chứng nhận mới) ứng dụng hệ thống truy xuất nguồn gốc điện tử, có nhật ký theo dõi quy trình sản xuất theo thời gian thực	Chi cục Phát triển nông thôn
2	Đào tạo tối thiểu 1.000 học viên/ năm (là nông dân, thành viên hợp tác xã, tổ hợp tác, chủ thể sản phẩm OCOP...) về kỹ năng số cơ bản và nâng cao trong sản xuất và kinh doanh sản phẩm nông nghiệp.	Trung tâm Khuyến nông
3	Phần đầu tối thiểu 80% các trạm quan trắc tự động ứng dụng hệ thống truyền nhận số liệu trực tuyến từ trạm về lưu trữ tại trung tâm; sẵn sàng chia sẻ, kết nối đến CSDL dùng chung.	Trung tâm Quan trắc và Bảo vệ môi trường
III	Đến hết năm 2045	
1	100% các sản phẩm OCOP, sản phẩm nông sản đặc của tỉnh ứng dụng hệ thống truy xuất nguồn gốc điện tử, có nhật ký theo dõi quy trình sản xuất theo thời gian thực.	Chi cục Phát triển nông thôn
2	100% thành viên chủ chốt của các HTX, tổ hợp tác; 70% nông dân sản xuất tiêu biểu được đào tạo và thành thạo về kỹ năng số cơ bản và nâng cao trong sản xuất và kinh doanh sản phẩm nông nghiệp.	Trung tâm Khuyến nông
3	100% các trạm quan trắc tự động ứng dụng hệ thống truyền nhận số liệu trực tuyến từ trạm về lưu trữ tại trung tâm; sẵn sàng chia sẻ, kết nối đến CSDL dùng chung.	Trung tâm Quan trắc và Bảo vệ môi trường

TT	Chỉ tiêu	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá
4	Triển khai hàng năm tối thiểu 10 mô hình AI dự báo dịch bệnh cây trồng hoặc vật nuôi, báo cáo cảnh báo sớm gửi tự động đến người dân và sẵn sàng chia sẻ, kết nối tới CSDL dùng chung	Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật
5	Triển khai hàng năm tối thiểu 02 mô hình ứng dụng rô bốt điều khiển tự động trong thu thập thông tin môi trường và sản xuất nông nghiệp thay thế sức lao động của con người.	Các phòng, đơn vị trực thuộc

II. Chỉ tiêu thực hiện các nhiệm vụ theo giai đoạn

TT	Chỉ tiêu	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá
I	Đến hết năm 2025	
1	80% cán bộ, công chức, viên chức làm chủ kỹ năng số, ứng dụng công nghệ trong quản lý, điều hành.	Phòng Tổ chức cán bộ
II	Đến hết năm 2030 và các năm tiếp theo	
1	100% cán bộ, công chức, viên chức làm chủ kỹ năng số, ứng dụng công nghệ trong quản lý, điều hành.	Phòng Tổ chức cán bộ

Phụ lục II
DANH MỤC CÁC NHIỆM VỤ
GIAO CÁC PHÒNG, ĐƠN VỊ LIÊN QUAN THEO DỐI, PHỐI HỢP, TỔ CHỨC THỰC HIỆN
(Ban hành kèm theo Kế hoạch số /KH-SNN&MT ngày tháng năm 2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường)

TT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì/Theo dõi	Cơ quan phối hợp	Kết quả	Thời gian hoàn thành
1	Triển khai nông nghiệp thông minh thông qua ứng dụng công nghệ số, IoT, AI, cảm biến, drone và các giải pháp công nghệ cao vào sản xuất	Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật; Chi cục Chăn nuôi, thú y và thủy sản	Các phòng, đơn vị trực thuộc	Chương trình/Đề án/Dự án/Nhiệm vụ được triển khai	Giai đoạn 2026-2030
2	Phổ cập kỹ năng số, đào tạo chuyên môn cho nông dân, cán bộ và hợp tác xã, gắn kết với thương mại điện tử và phát triển kinh tế số nông nghiệp xanh, bền vững.	Trung tâm Khuyến nông	Các phòng, đơn vị trực thuộc	Chương trình được triển khai	Thường xuyên
3	Cập nhật, triển khai bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới, tiêu chí quốc gia về xóa đói giảm nghèo, đặc biệt cho vùng dân tộc thiểu số và miền núi có các tiêu chí về phát triển chính quyền số, kinh tế số và xã hội số	Chi cục Phát triển nông thôn; Văn phòng ĐPNTM	Các phòng, đơn vị trực thuộc	Bộ tiêu chí được cập nhật	Thường xuyên
4	Ứng dụng nền tảng số nhằm giám sát, thu thập dữ liệu lĩnh vực tài nguyên, nông nghiệp và môi trường; hệ thống thông tin địa lý theo hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Môi trường”	Trung tâm quan trắc và BVMT	Các phòng, đơn vị trực thuộc	Nhiệm vụ được triển khai	Khi có hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Môi trường
5	Sử dụng các ứng dụng AI hỗ trợ phân tích, cảnh báo thiên tai, dịch bệnh, ứng phó với biến đổi khí hậu và bảo vệ môi trường	Chi cục thủy lợi và Tài nguyên nước	Các phòng, đơn vị trực thuộc	Ứng dụng được triển khai	Khi có hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Môi trường

TT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì/Theo dõi	Cơ quan phối hợp	Kết quả	Thời gian hoàn thành
6	Hỗ trợ kết nối, tiêu thụ sản phẩm trên các sàn thương mại điện tử gắn với phát triển các sản phẩm nông nghiệp và đặc sản vùng miền theo hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Chi cục chất lượng, chế biến và phát triển thị trường	Các phòng, đơn vị trực thuộc	Hoàn thành sản TMĐT, đảm bảo kết nối Đề án 06	Khi có hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Môi trường